TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 34

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số 56 458 298, chữ số 6 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. hàng chục triệu, lớp triệu **B.** hàng trăm nghìn, lớp nghìn

C. hàng triệu, lớp đơn vị **D.** hàng triệu, lớp triệu

Câu 2. Làm tròn số 56 399 048 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 56 000 000 **B.** 56 300 000 **C.** 56 400 000 **D.** 56 500 000

Câu 3. Hình chữ nhật có chu vi 138 cm, chiều dài hơn chiều rộng 17 cm. Chiều dài hình chữ nhật là:

A. 43 cm **B.** 77 cm **C.** 45 cm **D.** 26 cm

Câu 4. Chu vi hình vuông cạnh a được tính theo công thức P = a × 4. Với a = 12 cm thì P bằng:

A. 48 cm **B.** 16 cm **C.** 24 cm **D.** 144 cm

Câu 5. 2 tạ 8 yến = ……. kg

A. 28 **B.** 2080 **C.** 208 **D.** 280

Câu 6. Góc có số đo 135° là:

A. góc tù **B.** góc nhọn **C.** góc vuông **D.** góc bẹt

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho dãy số: 28, 35, 42, 49, ……, 259. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có ……. số

b) Số thứ 16 của dãy là: …….

Bài 2. Cho các số: 312 237, 322 732, 321 732, 312 723, 312 732.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: …….

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 3408 + 206 + 794 = …….

b) 4596 + 2800 − 596 = …….

c) 642 + 2134 + 58 = …….

Bài 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 1 dm^2 = 10 cm^2	
b) Hai đường thẳng vuông góc tạo thành bốn góc vuông	
c) Số 321 075 là số lẻ	
d) Góc bẹt bằng hai góc vuông	

Bài 5. Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

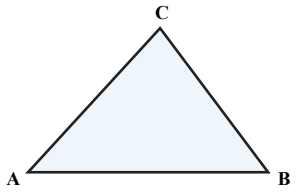

a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Bài 6. Hai thùng có tất cả 66 l dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 24 l. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

a) Thùng thứ nhất: ……. l

b) Thùng thứ hai: ……. l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 34

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	C	A	A	D	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) (259 − 28) : 7 + 1 = 34 (số)

b) 28 + (16 − 1) × 7 = 133

Bài 2.

a) 312 237, 312 723, 312 732, 321 732, 322 732

b) 322 732 − 312 237 = 10 495

Bài 3.

a) 3408 + (206 + 794) = 3408 + 1 000 = 4408

b) (4596 − 596) + 2800 = 4000 + 2800 = 6800

c) (642 + 58) + 2134 = 700 + 2134 = 2834

Bài 4.

a) S; b) Đ; c) Đ; d) Đ

Bài 5.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 3 góc nhọn, 0 góc tù.

Bài 6.

Thùng thứ nhất: (66 + 24) : 2 = 45 (l)

Thùng thứ hai: 45 − 24 = 21 (l)